KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THCS HỒNG AN.
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHỐI LỚP 6

(Năm học 2022-2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03 Số học sinh: .....; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: 0 (nếu có)

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 04.;**Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ... Đại học: 3.; Trên đại học:.....

3.Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [1]: Tốt:.....4.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

1. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
1	Tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất		Chủ đề 1. Chất và sự biến đổi chất	1 tờ/ GV
2	Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất		Chủ đề 1. Chất và sự biến đổi chất	1 tờ/ GV
3	Nhiệt kế lỏng hoặc cảm biến nhiệt độ.		CĐ 1.1. Các thể của chất	7 cái /PHBM
4	Cốc thủy tinh 250 ml		CĐ 1.1. Các thể của chất CĐ 1.3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	Thiết bị dùng chung
5	Nến (Parafin) rắn		CĐ 1.1. Các thể của chất	7 hộp/PHBM
6	Ống nghiệm		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	20 cái /PHBM
7	Ống dẫn thủy tinh chữ Z		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 cái / PHBM
8	Lọ thủy tinh miệng rộng		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 cái / PHBM

[1]

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
9	Chậu thủy tinh		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 cái / PHBM
10	Cốc loại 1 lít		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 cái / PHBM
11	Thuốc tím (Potassium penmangannat e – $KMnO_4$)		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 lọ / PHBM
12	Nến cây 1cm		CĐ 1.2. Oxygen và không khí	7 cái / PHBM
13	Ống đong hình trụ 100ml		CĐ 1.3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch	7 cái / PHBM
14	Thìa nhựa cafe nhỏ		CĐ 1.3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch	7 cái / PHBM
15	Muối ăn lọ nhựa 100g		CĐ 1.3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch	1 lọ / PHBM
16	Đường lọ nhựa 100g		CĐ 1.3. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch	1 lọ / PHBM
17	Phễu lọc thủy tinh cuống ngắn		CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	7 cái / PHBM
18	Phễu chiết hình quả lê		CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	7 cái / PHBM
19	Đũa thủy tinh		CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	7 cái / PHBM
20	Giấy lọc		CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	2 hộp/ PHBM
21	Cát lọ 300g hoặc dầu ăn lọ 100ml		CĐ 1.4. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	1 lọ / PHBM
22	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào thực vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
23	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
24	Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật, động vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
25	Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
26	Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
27	Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
28	Sơ đồ diễn tả từ tế bào – mô – cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể ở thực vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
29	Sơ đồ diễn tả từ tế bào – mô, cơ quan – hệ cơ quan – cơ thể ở động vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1 tờ/ GV
30	Mô hình cấu tạo cơ thể người cao tối thiểu 850mm.		CĐ 7.2 Từ tế bào đến cơ thể	1 mô hình/PHBM
31	Kính hiển vi 1600 lần		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	7 cái / PHBM
32	Tiêu bản tế bào thực vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	20 cái/PHBM
33	Tiêu bản tế bào động vật		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	20 cái/PHBM
34	Kính lúp 6x		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	25 cái/PHBM
35	Lam kính		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 hộp/PHBM
36	La men		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 hộp/PHBM
37	Kim mũi mác		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 cái/PHBM
38	Panh		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 cái/PHBM
39	Dao cắt tiêu bản		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 cái/PHBM

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
40	Pipet		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	10 cái/PHBM
41	Đĩa kính đồng hồ		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	20 cái/PHBM
42	Đĩa lồng (Pê tri)		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	20 cái/PHBM
43	Đèn cồn		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	7 cái/PHBM
44	Cồn đốt		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1000ml/PHBM
45	Acid acetic 45%		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	500ml/PHBM
46	Dung dịch muối sinh lí (0,9% NaCl)		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	1000ml/PHBM
47	Carmin acetic 2%		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	100ml/PHBM
48	Giemsa 2%		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	100ml/PHBM
49	Methylen blue		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	100ml/PHBM
50	Glycerol		Chủ đề 2.1. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	500ml/PHBM
51	Sơ đồ 5 giới sinh vật		Chủ đề 2.2.1. Phân loại thế giới sống	1 tờ/ GV
52	Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật		Chủ đề 2.2.1. Phân loại thế giới sống	1 tờ/ GV
53	Tranh/ảnh về cấu tạo virus		Chủ đề 2.2.2. Virus và vi khuẩn	1 tờ/ GV
54	Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn		Chủ đề 2.2.2. Virus và vi khuẩn	1 tờ/ GV
55	Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật		Chủ đề 2.2.3. Đa dạng nguyên sinh vật	1 tờ/ GV
56	Tranh/ảnh về một số dạng nấm		Chủ đề 2.2.4. Đa dạng nấm	1 tờ/ GV
57	Sơ đồ các nhóm Thực vật		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	1 tờ/ GV
58	Tranh/ảnh về Thực vật không có mạch (cây Rêu)		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	1 tờ/ GV
59	Tranh/ảnh về Thực vật không có mạch, không có hạt (cây Dương xỉ)		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	1 tờ/ GV
60	Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần)		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	1 tờ/ GV
61	Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín)		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	1 tờ/ GV
62	Video đa dạng thực vật max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.5. Đa dạng thực vật	
63	Sơ đồ nhóm động vật không xương sống và có xương sống		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	1 tờ/ GV
64	Tranh/ảnh về đa dạng động vật không xương sống		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	1 tờ/ GV
65	Tranh/ảnh về đa dạng động vật có xương sống		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	1 tờ/ GV
66	Video đa dạng cá max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	1 bộ / GV
67	Video đa dạng lưỡng cư max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
68	Video đa dạng bò sát max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	
69	Video đa dạng chim max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	
70	Video đa dạng thú max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	
71	Video đa dạng sinh học max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	
72	Video các nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học max 3 phút có phụ đề, thuyết minh bằng tiếng Việt		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	
73	Mẫu động vật ngâm trong lọ: sứa, bạch tuộc, ếch ghi rõ tên Việt Nam và tên khoa học.		Chủ đề 2.2.6. Đa dạng động vật	7 lọ/PHBM
74	Chậu lồng (Bô can) 140mm x 200mm x 2,5mm		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
75	Lọ thủy tinh cao 100mm, có ống nhỏ giọt 8mm x 120mm		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
76	Phễu thủy tinh loại to 80mmx130mm – 10mm x 70mm		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
77	Kéo cắt cành		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
78	Cặp ép thực vật		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
79	Vợt bắt sâu bọ		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
80	Vợt bắt động vật thủy sinh		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
81	Vợt bắt động vật nhỏ ở đáy ao, hồ		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
82	Lọ nhựa		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
83	Hộp nuôi sâu bọ		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
84	Bể kính		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	5 cái/PHBM
85	Túi đinh ghim		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	5 túi/PHBM
86	Găng tay		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 túi/PHBM
87	Ống đong 20, 50, 100ml ĐCNN 1ml		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	2 bộ/PHBM
88	Ống hút có quả bóp cao su 8mm x 120mm		CĐ 2.2. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	10 cái/PHBM
89	Tranh/ảnh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật		Chủ đề 3. Năng lượng và sự biến đổi	1 tờ/ GV
90	Bộ dụng cụ đo chiều dài, thời gian, khối lượng, nhiệt độ		CĐ 3.1. Các phép đo	7 bộ/PHBM
91	Thanh nam châm 7 x 15 x 120mm		CĐ 3.2. Lực	7 cái/PHBM

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/ thực hành	Ghi chú
92	Bộ thiết bị chứng minh lực cản của nước: - 1 hộp đựng nước 500mm x 200mm x 150mm. - 1 xe đó có cảm biến lực hoặc lực kế 0,1N		CĐ 3.2. Lực	2 bộ/PHBM
93	Bộ thiết bị chứng minh độ giãn lò xo: - Lực kế lò xo trụ 20mm ĐCNN 0,1N, GHĐ 0-5N có móc 2 đầu. - Các quả nặng 10g, 20g, 30g, 100g, 200g. - Giá treo		CĐ 3.2. Lực	7 bộ/PHBM
94	Tranh/ảnh về sự mọc lặn của Mặt Trời		Chủ đề 4.1. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời	1 tờ/ GV
95	Tranh/ảnh về một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng		Chủ đề 4.2. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng	1 tờ/ GV
96	Tranh/ảnh về hệ Mặt Trời		Chủ đề 4.3. Hệ Mặt Trời	1 tờ/ GV
97	Tranh/ảnh về Ngân Hà		Chủ đề 4.4. Ngân Hà	1 tờ/ GV
98	Giá để ống nghiệm 180x110x56x2,5mm 5 lỗ 19mm, 5 cọc 7mm, 4 lỗ 12mm		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
99	Đèn cồn 75 x 84 x 22mm		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
100	Lưới thép 100x100mm		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
101	Găng tay cao su		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	45 đôi/PHBM
102	Áo choàng trắng		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	45 cái/PHBM
103	Kính bảo vệ mắt không màu nhựa		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	45 cái/PHBM
104	Chổi rửa ống nghiệm 30cm		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
105	Khay gỗ mang dụng cụ và hóa chất 40x330x80mm, 5 ngăn, có quai 160mm		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
106	Bộ giá đỡ cơ bản (3 loại)		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
107	Bình chia độ 30x180mm, GHĐ 250ml; ĐCNN 2ml		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
108	Biến thế nguồn 220v-50Hz và 3 – 24v		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
109	Cảm biến lực ±50N, ±0,1N		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
110	Cảm biến nhiệt độ từ -20 ^{o}C đến 110 ^{o}C, min 0,1^{o}C		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM
111	Bộ thu nhận số liệu từ các cảm biến		Dùng chung cho mọi chủ đề, bài học của cả 4 khối	7 cái/PHBM

2. Phòng học bộ môn/ phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Sinh	01	Phòng bộ môn Sinh	
2	Phòng bộ môn Vật lý	01	Phòng bộ môn Vật lý	
3	Phòng bộ môn Hóa	01	Phòng bộ môn Hóa	

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
4				

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên và các phép đo	Giới thiệu về khoa học tự nhiên	3 tiết	Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên. Trình bày được vai trò của khoa học tự nhiên trong cuộc sống. Phân biệt được các lĩnh vực chủ yếu của khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. Dựa vào đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống trong tự nhiên.
2		Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành	4 tiết	Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thể tích. Biết cách sử dụng kính lúp cầm tay và kính hiển vi quang học. Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn trong phòng thực hành.
3	2. Các phép đo	Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	6 tiết	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng, chiều dài, thời gian. Dùng thước, cân, đồng hồ chỉ ra được một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian trong một số trường hợp đơn giản. Đo được chiều dài, khối lượng, thời gian bằng thước, cân, đồng hồ (thực hiện đúng các thao tác, không yêu cầu tìm sai số).
4		Đo nhiệt độ	3 tiết	Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”; “lạnh” của vật. Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. Ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế.
	Bài tập chủ đề 1 & 2		1 tiết	
5	3. Các thể của chất	Sự đa dạng của chất	2 tiết	Nêu được sự đa dạng của chất. Trình bày được đặc điểm cơ bản ba thể của chất. Đưa ra được một số ví dụ về đặc điểm cơ bản ba thể của chất.
6		Tính chất và sự chuyển thể của chất	3 tiết	Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí và tính chất hóa học). Nêu được khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc. Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể của chất. Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể: nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ;

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
				sôi.
7	4. Oxygen và không khí	Oxygen và không khí	2 tiết	Nêu được một số tính chất của oxygen và thành phần không khí. Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. Trình bày được sự ô nhiễm không khí. Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.
	Bài tập chủ đề 3 & 4		1 tiết	
8	5. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm	Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng	4 tiết	Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất. Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng. Nêu được cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng an toàn, hiệu quả và bảo đảm phát triển bền vững.
9		Một số lương thực – thực phẩm thông dụng	2 tiết	Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm thông dụng. Biết cách tìm hiểu và rút ra được kết luận về tính chất của một số lương thực – thực phẩm thông dụng.
10	**Ôn tập giữa kì 1**		1 tiết	
11	***Kiểm tra giữa kì 1***		2 tiết	
12	6. Hỗn hợp	Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch	3 tiết	Nêu được khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết. Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch. Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn hòa tan và không hòa tan trong nước. Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.
13		Tách chất ra khỏi hỗn hợp	2 tiết	Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	Bài tập chủ đề 5 & 6		1 tiết	
14	7. Tế bào	Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống	6 tiết	Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở thực vật. Phân biệt được tế bào động vật với tế bào thực vật; tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực. Nhận biết và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. Quan sát được tế bào có kích thước lớn bằng mắt thường và tế bào có kích thước nhỏ bằng kính lúp và kính hiển vi quang học.
15		Từ tế bào đến cơ thể	4 tiết	Nhận biết được sinh vật đơn bào, sinh vật đa bào và lấy ví dụ minh họa. Nêu được mối quan hệ giữa tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể. Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể và lấy ví dụ minh họa. Nhận biết và vẽ được hình sinh vật đơn bào, mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh và cơ thể người.
	Bài tập chủ đề 7		1 tiết	
16	8. Đa dạng thế giới sống	Phân loại thế giới sống	3 tiết	Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống. Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới. Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới. Lấy được ví dụ chứng minh sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật. Nhận biết được tên địa phương và tên khoa học của sinh vật.
17		Khóa lưỡng phân	2 tiết	Nhận biết được cách xây dựng khóa lưỡng phân trong phân loại một số nhóm sinh vật. Thực hành xây dựng được khóa lưỡng phân với đối tượng sinh vật.
18		Virus và vi khuẩn	4 tiết	Quan sát hình ảnh mô tả được hình dạng, cấu tạo đơn giản của virus, vi khuẩn. Phân biệt được virus và vi khuẩn. Nêu được sự đa dạng về hình thái của vi khuẩn. Nêu được một số bệnh do virus, bệnh do vi khuẩn gây nên và cách phòng chống bệnh do virus và vi khuẩn. Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.
19		Đa dạng nguyên sinh vật	2 tiết	Nhận biết được một số nguyên sinh vật như tảo lục đơn bào, tảo silic, trùng ròi, trùng giày, trùng biến hình thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật. Nêu được sự đa dạng và vai trò của nguyên sinh vật. Nêu được một số bệnh, cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
20		Đa dạng nấm	2 tiết	Nhận biết được một số đại diện nấm. Trình bày được sự đa dạng nấm và vai trò của nấm. Nêu được một số bệnh do nấm gây ra và cách phòng, chống bệnh. Vận dụng được hiểu biết về nấm để giải thích một số hiện tượng liên quan trong đời sống. Quan sát và vẽ được hình một số loại nấm.
21		Đa dạng thực vật	4 tiết	Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt, không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt, có hoa (Hạt kín).
22		***Ôn tập học kì 1***	***2 Tiết***	
23		***Kiểm tra học kì 1***	***2 tiết***	
24		Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên	4 tiết	Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên.
25		Thực hành phân chia các nhóm thực vật	2 tiết	Phân chia được thực vật thành các nhóm theo các tiêu chí phân loại đã học.
26		Đa dạng động vật không xương sống	6 tiết	Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống. Gọi được tên một số động vật không xương sống điển hình. Nêu được một số ích lợi và tác hại của động vật không xương sống trong đời sống. Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật không xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình.
27		Đa dạng động vật có xương sống	6 tiết	Phân biệt được hai nhóm động vật: không xương sống và có xương sống. Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống. Gọi được tên một số động vật có xương sống điển hình. Nêu được một số ích lợi và tác hại của động vật có xương sống trong đời sống. Quan sát (hoặc chụp ảnh) được một số động vật có xương sống ngoài thiên nhiên và gọi tên được một số con vật điển hình.
28		Đa dạng sinh học	2 tiết	Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn. Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.
29		Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	5 tiết	Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên. Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật. Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.
	Bài tập chủ đề 8		1 tiết	

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
	Kiểm tra giữa học kì 2		2 tiết	
30	9. Lực	Lực và tác dụng của lực	5 tiết	Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật. Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niutơn (kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo). Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ dài và theo hướng kéo hoặc đẩy.
31		Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	2 tiết	Nêu được lực tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.
32		Lực ma sát	4 tiết	Nêu được lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ. Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng. Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát. Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước.
33		Lực hấp dẫn	4 tiết	Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật). Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.
34	10. Năng lượng	Các dạng năng lượng	4 tiết	Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. Phân loại được năng lượng theo tiêu chí.
35		Sự chuyển hóa năng lượng	4 tiết	Lấy ví dụ chứng tỏ được năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa. Nêu được sự truyền năng lượng ở một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn. Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày.

STT	Chủ đề	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
36		Nhiên liệu và năng lượng tái tạo	2 tiết	Nêu được vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu. Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng.
	Bài tập chủ đề 9 & 10		1 tiết	
37	11. Chuyển động nhìn thấy của mặt trời, mặt trăng, hệ mặt trời và ngân hà	Hiện tượng mọc và lặn của mặt trời	4 tiết	Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày.
38		Các hình dạng nhìn thấy của mặt trăng	4 tiết	Thiết kế mô hình thực tế (hoặc vẽ hình) để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.
39		Hệ Mặt Trời và Ngân Hà	2 tiết	Nêu được Mặt Trời và sao phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng mặt trời. Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.
	Ôn tập học kì 2		***2 tiết***	
	Kiểm tra học kì 2		***2 tiết***	

2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	Thể hiện trong ma trận, đặc tả đề kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	Thể hiện trong ma trận, đặc tả đề kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 25	Thể hiện trong ma trận, đặc tả đề kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	Thể hiện trong ma trận, đặc tả đề kiểm tra	Kiểm tra viết trên giấy

Hồng An, ngày …..tháng …năm 2022

Giáo viên **Tổ trưởng**

Trần Thanh Thủy **Lê Thị Lan**

Phụ lục II Môn KHTN 6.

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THCS HỒNG AN.
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2022-2023)

1. Khối lớp: 6 ; Số học sinh: ….

STT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Giáo dục STEM: Cùng nhau làm sữa chua	- Hiểu biết cơ bản về các vi khuẩn có lợi trong đời sống con người. - HS tạo ra một sản phẩm có giá trị dinh dưỡng. - HS có được những kỹ năng trong chế biến thực phẩm. + Biết ăn uống hợp vệ sinh, đảm bảo dinh dưỡng	2 tiết	Tuần 16 (HKI)	Lớp học	GV môn KHTN	PHHS, HS	Đồ dùng học tập như: lọ thủy tinh nhỏ có nắp đậy, thố thủy tinh to, đũa, hộp xốp… - Các nguyên liệu: đương, sữa tươi, sữa chua

		+ Biết cách chi tiêu hợp lí, tiết kiệm						

Thị trấn, ngày 28 tháng 08 năm 2022

Giáo viên **HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thanh Thủy

Phụ lục III môn KHTN 6

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

TRƯỜNG THCS HỒNG AN.
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, KHỐI LỚP 6

(Năm học 2022-2023)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình : Cả năm 35 tuần = 140 tiết

Học kì I: 4 Tiết x 18 tuần = 72 tiết

Học kì II: 4 tiết x 17 tuần = 68 tiết

Phần 1,2: GV Hóa

Phần 3: GV Sinh

Phần 4: GV Lí

HỌC KÌ I: 4 Tiết x 18 tuần = 72 tiết

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Tiết	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1.	**Phần 1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP ĐO** **Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành**					
2.	**Chủ đề 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiện, dụng cụ đo và an toàn thực hành**					
3.	**Bài 1**:Giới thiệu về khoa học tự nhiên	3	1-3	Tuần 1	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
4.	**Bài 2:** Một số dụng cụ đo và an toàn trong phòng học thực hành	4	4-7	Tuần 1,2	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
5.	**Chủ đề 2: Các phép đo**				Máy Tính, máy chiếu	
6.	**Bài 3:**Đo chiều dài, khối lượng và thời gian	6	8-13	Tuần 2,3,4	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
7.	**Bài 4:** Đo nhiệt độ	3	14-16	Tuần 4,5	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
8.	**Bài tập chủ đề 1 và 2.**	1	17			
9.	**Phần 2. CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHẤT**					
10.	**Chủ đề 3: Các thể của chất**					
11.	**Bài 5:** Sự đa dạng của chất	2	18,19	Tuần 5	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
12.	**Bài 6:** Tính chất và sự chuyển thể của chất	3	20 -22	Tuần 5,6	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
13.	**Chủ đề 4: Oxygen và không khí**					
14.	**Bài 7:** Oxygen và không khí	2	23,24	Tuần 6,7	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
15.	**Bài tập chủ đề 3 và 4.**	1	25	Tuần 7	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
16.	**Chủ đề 5: Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm**					
17.	**Bài 8:** Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng	4	26-29	Tuần 7,8	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học

18.	**Bài 9:** Một số lương thực – thực phẩm thông dụng	2	30,31	Tuần 8	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
19.	***Ôn tập giữa kì I***	1	32	Tuần 8	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
20.	***Kiểm tra giữa kì I***	2	33,34	Tuần 9	Đề kiểm tra phô tô	Lớp học
21.	**Chủ đề 6: Hỗn hợp Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch**					
22.	**Bài 10:** Hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch	3	35-37	Tuần 9,10	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
23.	**Bài 11:** Tách chất ra khỏi hỗn hợp	2	38,39	Tuần 10	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
24.	**Bài tập chủ đề 5+6**	1	40	Tuần 10	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
25.	**Phần 3. VẬT SỐNG**					
26.	**Chủ đề 7: Tế bào**					
27.	**Bài 12:**Tế bào – đơn vị cơ bản của sự sống	6	41-46	Tuần 11,12	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
28.	**Bài 13:**Từ tế bào đến cơ thể	4	47-50	Tuần 12,13	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
29.	**Bài tập chủ đề 7**	1	51	Tuần 13	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
30.	**Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống**					
31.	**Bài 14:** Phân loại thế giới sống	3	52-54	Tuần 13,14	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
32.	**Bài 15:** Khoá lưỡng phân	2	55,56	Tuần 14	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
33.	**Bài 16:** Virus và vi khuẩn	4	57-60	Tuần 15	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
34.	**Bài 17:** Đa dạng nguyên sinh vật	2	61,62	Tuần 16	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
35.	**Bài 18:** Đa dạng nấm	2	63,64	Tuần 16	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
36.	**Bài 19:** Đa dạng thực vật	4	65-68	Tuần 17	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
37.	**Ôn Tập cuối kì I**	2	69,70	Tuần 18	Nội dung ôn tập	Lớp học
38.	**Kiểm tra cuối kì**	2	71,72	Tuần 18	Đề kiểm tra phô tô	Lớp học
39.	**HỌC KÌ II: 4 tiết x 17 tuần = 68 tiết**					
40.	**Bài 20:** Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên	4	73-76	Tuần 19	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
41.	**Bài 21:** Thực hành phân chia các nhóm thực vật	2	77,78	Tuần 20	Máy Tính, máy chiếu	Phòng Bộ Môn

42.	**Bài 22:** Đa dạng động vật không xương sống	6	79-84	Tuần 20,21	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
43.	**Bài 23:** Đa dạng động vật có xương sống	6	85-90	Tuần 22,23	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
44.	**Bài 24:** Đa dạng sinh học	2	91,92	Tuần 23	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
45.	**Bài 25:** Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên	5	93-97	Tuần 24,25	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
46.	**Bài 26:** Lực và tác dụng của lực	2	98-99	Tuần 25	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
47.	**Bài tập chủ đề 8**	1	100	Tuần 25	Nội dung bài tập	Lớp học
48.	**Phần 4. NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI**					
49.	**Chủ đề 9: Lực**					
50.	**Kiểm tra giữa kì 2**	2	101,102	Tuần 26		
51.	**Bài 26:** Lực và tác dụng của lực	3	103-105	Tuần 26,27	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
52.	**Bài 27:** Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	2	106,107	Tuần 27	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
53.	**Bài 28:** Lực ma sát	4	108- 111	Tuần27, 28	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
54.	**Bài 29:** Lực hấp dẫn	4	112 - 115	Tuần 28,29	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
55.	**Chủ đề 10: Năng lượng**					
56.	**Bài 30:** Các dạng năng lượng	4	116 - 119	Tuần 29,30	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
57.	**Bài 31:** Sự chuyển hóa năng lượng	4	120- 123	Tuần 30,31	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
58.	**Bài 32:** Nhiên liệu và năng lượng tái tạo	2	124,125	Tuần 31,32	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
59.	**Bài tập chủ đề 9 và 10.**	1	126	Tuần 32	Nội dung bài tập	Lớp học
60.	**Phần 5. TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI**					
61.	**Chủ đề 11: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng; hệ Mặt Trời và Ngân Hà**					
62.	**Bài 33:** Hiện tượng mọc và lặn của Mặt Trời	4	127-130	Tuần 32,33	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
63.	**Bài 34:** Các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng	4	131-134	Tuần 33,34	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học
64.	**Bài 35:** Hệ Mặt Trời và Ngân Hà	2	135,136	Tuần 34	Máy Tính, máy chiếu	Lớp học

65.	***Ôn Tập cuối kì 2***	2	137,138	Tuần 35	Nội dung ôn tập	Lớp học
66.	***Kiểm tra cuối kì 2***	2	139,140	Tuần 35	Đề kiểm tra phô tô.	Lớp học

II. Nhiệm vụ khác:

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi (Không có)

2.Tổ chức hoạt động giáo dục. Tổ chức các hoạt động giáo dục nếu được phân công sẽ có kế hoạch riêng.

Hồng An, ngày …..tháng …năm 2022

Giáo viên **Tổ trưởng**

Trần Thanh Thủy **Lê Thị Lan**